

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2021/DS-ST.

Ngày : 14/4/2021.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phương

2. Bà Trần Thị Xuân Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 371/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim L1, sinh năm: 1976

Thường trú: Đường C, P M, Q T, Thành phố H  
(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm: 1969

Thường trú: Đường H, Phường M, Quận P, Thành phố H. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Đỗ Thị Kim L1 trình bày:

Do có quen biết nhau từ trước, bà Đỗ Thị Kim L1 có cho ông Nguyễn Thanh L2 vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, có lập giấy vay nợ ngày 26/12/2018 khi nào bà L1 cần lấy lại tiền thì báo trước cho ông L2 02 tháng. Hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất cho vay là 3%/ tháng. Thực hiện hợp đồng vay, bà L1 đã giao cho ông L2 đủ số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ông L2 đã thực hiện trả lãi được 05 tháng, số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Sau đó khi bà L1 cần lấy lại số tiền gốc, bà có gọi điện và tìm gặp ông L2 nhưng không gặp được. Nay bà L1 yêu cầu Tòa án buộc ông L2 hoàn trả cho bà số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi.

### **Tại phiên tòa**

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim L1 có đơn xin vắng tại phiên tòa và không bổ sung chứng cứ nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L2 vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim L1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Kim L1 không yêu cầu ông Nguyễn Thanh L2 trả lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Đây là vụ án tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn:*

Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, quận P ngày 14/8/2020, ông Nguyễn Thanh L2 thường trú tại địa chỉ Đường H, Phường M, Quận P, Thành phố H, hiện đang có mặt tại địa phương. Ông L2 đã được Tòa án niêm yết hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L2 vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng

thời, bà L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bà L1 và ông L2.

*[3] Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào giấy nợ đề ngày 26/12/2018 thì bà Đỗ Thị Kim L1 có cho ông Nguyễn Thanh L2 vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Ông L2 trả lãi được 05 tháng và khi bà L1 báo trước sẽ lấy lại số tiền vay trong thời hạn 02 tháng cũng như tìm đến nhà thì ông L2 thì ông L2 tránh mặt và không hoàn trả số tiền vay.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay nguyên 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do quen biết nhau nên giữa ông L2 và bà L1 đã có giao dịch vay mượn tiền nhưng ông L2 không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết với bà L1. Quá trình Tòa án giải quyết ông Nguyễn Thanh L2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L2 vắng mặt không có lý do là ông L2 không có thiện chí vi phạm nghĩa vụ và trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho bà L1. Do vậy yêu cầu của bà L1 buộc ông L2 hoàn trả tiền nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà L1 không yêu cầu ông L2 trả lãi đối với số tiền trên.

- Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quá trình tố tụng và hướng giải quyết vụ án.

*[3] Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Thanh L2 phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042863 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:**

1. Chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim L1 về việc yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Thanh L2 phải trả cho bà Đỗ Thị Kim L1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Kim L1 không yêu cầu ông Nguyễn Thanh L2 trả lãi đối với số tiền trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L2 phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042863 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**

***Nơi nhận:***

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**

***Nơi nhận:***

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Xuân Thảo - Nguyễn Thị Túy Phượng      Trần Thị Thanh Trúc**

**Trần Thị Xuân Thảo - Nguyễn Thị Túy Phượng      Trần Thị Thanh Trúc**